

# ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

## QUYỂN 14

### *Phẩm thứ mười:* **BỒ TÁT VẤN MINH**

Giải thích một phẩm này, cũng có bốn môn.

**A- Ý ĐƯA RA:** Trong này có tổng quát-có riêng biệt.

Tổng quát nghĩa là ba phẩm trên đây đã giải đáp mười câu hỏi về chỗ dựa mà phát sinh hiểu biết, từ đây trở xuống là chính thức giải đáp về nhân quả đã phát sinh hiểu biết, cho nên tiếp theo đưa ra.

Trong nhân phát sinh hiểu biết, trước là giải đáp về Thập Trú, Trú thâm nhiếp Tín mà thành tựu, muốn giải đáp về pháp đã thành tựu thì trước phải phân rõ về pháp có thể thành tựu. Lại chính thức giải đáp về Thập Tín, cho nên đưa ra ba phẩm sau.

Riêng biệt, là ba phẩm trình bày về Tín có đức thuộc Giải-Hạnh, Giải là căn bản của hai loại, cho nên phẩm này đưa ra trước.

**B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI:** Bồ Tát là người, Vấn Minh là pháp. Ngăn chặn quả để biểu thị về nhân, cho nên gọi là Bồ Tát. Vấn tức là chất vấn, Minh tức là giải đáp.

Nhưng Vấn có hai loại: 1- Mở rộng ra mà hỏi với nhau, tiếng Phạn nói là Tất-ly-xa; 2- Nạn vấn, nghĩa là dùng lý đưa ra để hỏi vặn, tiếng Phạn nói là Bát-la-thất-nang, chính là ý của phẩm này.

Đáp cũng có hai: 1- Chỉ dựa vào câu hỏi để trả lời, gọi là Đáp; 2- Nếu đều vì giải thích sự việc phụ thuộc bao gồm ý nghĩa khác, dùng lời hay để ca ngợi kể lại, khiến cho lý rõ ràng sáng tỏ, thì gọi là Minh, chính là ý của phẩm này.

Minh cũng phá trừ tối tăm, bởi vì có thể trừ bỏ nghi ngờ tối tăm của người hỏi.

Nay Văn Thù và chín vị Bồ-tát tên Thủ vì Minh Nạn lẫn nhau, theo thứ tự làm người hỏi-người đáp (Châm chùy), nghiên cứu tỉ mỉ



(Nghiên hạch) về giáo lý để thức tỉnh quần sinh, cho nên lấy làm tên gọi.

Lại ở phần trường hàng, Minh là khởi lên từ Vấn; trong phần kệ tụng, Minh là giải thích về Vấn, cho nên gọi là Vấn Minh. Không nói là Đáp, là muốn dùng Minh để bao gồm đối với Vấn. Vấn có hai nghĩa, cho nên có thể gọi là Minh: 1- Trong Vấn nêu ra vấn hỏi, chất vấn hết lý, khiến cho người đáp không còn nói gì được, đây là Vấn mà dẫn đến Minh. 2- Bởi vì trong Vấn, tới lui hỏi vặn về lý khiến cho hiện rõ, làm cho người đáp dễ dàng giải thích, cho nên lấy làm Minh.

Vả lại, Minh tức là Pháp Minh, bởi vì mười vị Bồ-tát hỏi đưa ra mười loại Pháp Minh, cho nên nói là Vấn Minh. Tuy các nghĩa không giống nhau, mà đều là sự việc Vấn Minh của Bồ-tát, là Y chủ thích.

**C- TỔNG THỨ:** Cũng trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Tổng quát lại có hai nghĩa: 1- Tổng quát về Tông của Phần; 2- Tổng quát về Tông của Hội. Điều giống như phần đầu của Hội.

Riêng biệt trình bày về phẩm này, có hai nghĩa: 1- Hưởng về ngay phẩm này, dùng mười loại Thâm thâm làm Tông, dựa vào thành tựu Quán giải làm Thứ; 2- Hưởng về hai phẩm sau, thì dùng Quán giải Thâm thâm làm Tông, thành tựu đức của hạnh sau làm Thứ.

**D- GIẢI THÍCH VẤN:** Từ đây trở xuống đến phẩm Bồ-tát Trú Xứ, trình bày về nhân phát sinh hiểu biết, phối hợp với mười câu hỏi, như trong phần hỏi trước đây. Dựa vào thứ tự của văn, tạm thời phân làm sáu: Một: Từ đây trở xuống là ba phẩm, trình bày về chưa Tín khiến cho Tín; Hai: Hội thứ ba đã Tín khiến cho Giải; Ba: Hội thứ tư đã Giải khiến cho Hành; Bốn: Hội thứ năm đã Hành khiến cho khởi Nguyện; Năm: Hội thứ sáu đã khởi Nguyện khiến cho Chứng nhập; sáu: Từ phẩm Thập Định đến phẩm Trú Xứ, đã Chứng nhập khiến cho giống như Phật.

Một: Ba phẩm tức là ba phần riêng biệt: Phẩm này (phẩm 10) trình bày về quán sát đối với lý (Lý quán) mà hiểu biết chính xác (Chánh giải), phẩm tiếp theo (phẩm 11) trình bày về nguyện hạnh tùy duyên, phẩm Hiền Thủ (phẩm 12) trình bày về thâm nhiếp đầy đủ Đức Dụng.

Ngay trong phẩm thứ mười phân hai: Trước là hỏi-đáp hiển bày về Lý; sau là nêu ra tương kết luận nối thông.

Trong phần trước, bởi vì mười vị Bồ-tát đều đứng đầu một môn hiển bày về mười loại rất sâu xa (Thâm thâm), tức là mười đoạn: 1- Duyên khởi thâm thâm; 2- Giáo hóa thâm thâm; 3- Nghiệp quả thâm thâm; 4- Thuyết pháp thâm thâm; 5- Phước điền thâm thâm; 6- Chánh giáo thâm thâm; 7- Chánh hạnh thâm thâm; 8- Chánh trợ thâm thâm;

9- Nhất đạo thâm thâm; 10- Phật cảnh thâm thâm.

Mười loại Thâm thâm này theo thứ tự: Thế nào là lý sâu xa của duyên khởi? Bởi vì tổng quát đầy đủ các pháp chủ yếu là Quán giải, cho nên trình bày đầu tiên. Chúng sinh mê mờ về điều này vì vậy cần phải giáo hóa. Trái với giáo hóa-thuận theo giáo hóa mà có nghiệp thiện-ác. Phải biết rằng nghiệp này do thuyết pháp mà thành tựu. Nhưng thuyết pháp thành tựu nghiệp thiện chỉ có Phật là phước điền. Đã thuyết giảng thuận theo phước điền thì cần phải duy trì Thánh giáo. Giáo thuộc về chịu khó thực hành. Thực hành cần phải có Chánh đạo và Trợ đạo. Trợ đạo nhất định phải có Chánh đạo, đường đi khác nhau nhưng cùng chung một đích. Đạt được một con đường, là hưởng về cảnh giới của Phật. Vì vậy làm thành thứ tự này.

Lại mười loại này cũng có thể phối hợp với Thập Tín, nhưng không theo thứ tự mà thôi. Văn Thù và cảnh giới của Phật tức là tâm thuộc Tín, bởi vì Văn Thù là chủ về Tín, cảnh giới của Phật tức là pháp đã Tín. Dựa theo thứ tự của phát tâm thì Tín ở đầu tiên. Dựa theo cuối cùng của pháp đã Tín thì Tín ở sau cùng. Cũng trình bày về mười tâm, mà không nhất định phải theo thứ tự. Căn Thủ tức là tâm thuộc về Tinh tiến. Tài Thủ là tâm thuộc về Niệm, bởi vì trình bày về bốn Niệm. Giác Thủ là tâm thuộc về Định, bởi vì có thể quán sát tâm tánh thì Định là trước tiên. Trí Thủ là tâm thuộc về Tuệ, bởi vì Tuệ là đứng đầu bao gồm trang nghiêm cho mình có mười Độ. Pháp Thủ là tâm thuộc về Bất thối, bởi vì như thuyết tu hành mà đạt được Bất thối. Bảo Thủ là tâm thuộc về Giới, bởi vì ba Tụ không thiếu như ngọc châu quý báu, nghiệp quả rất sâu xa do Giới mà tiếp nhận. Đức Thủ là tâm thuộc về Hộ pháp, bởi vì thuyết pháp rất sâu xa là pháp đã hộ trì. Mục Thủ là tâm thuộc về Nguyện, bởi vì phước điền như nhau do Nguyện mà khác nhau, mắt có thể dẫn dắt thân như Nguyện dẫn dắt Hành. Hiền Thủ là tâm thuộc về Hồi hướng, bởi vì một đường trở về, tức là hồi hướng Chân Như.

Một thân-một trí..., tức là quả Phật, văn nói: Như ban đầu hưởng về Bồ-đề, tâm hồi hướng tất cả... Bởi vì mười pháp viên dung này, cho nên tất cả bao gồm nhiều nghĩa.

Lại cũng thâm nhiếp mười đức của Thập Tín, sợ rằng văn nhiều cho nên không đưa ra, mà thay vào giải thích về mười loại Thâm thâm. Nhưng có hai nghĩa: 1- Dựa theo hành; 2- Dựa theo pháp.

Nói dựa theo hành: Văn Thù đưa ra câu hỏi, chín vị Bồ-tát giải đáp, trình bày về Tuệ vi diệu nối thông với các hành; chín vị Bồ-tát đưa ra câu hỏi, Văn Thù là người giải đáp, trình bày về các hành thành tựu

từ Tuệ vi diệu.

Nói dựa theo pháp: Đầu là chín vị hiển bày về nghĩa sai biệt, sau là một vị hiển bày về sai biệt mà cùng chung nơi đến là cảnh giới Phật.

Hai phần này không hai, mà thành tựu về quán giải trong Tín.

Trong văn có mười đoạn, đều trước là hỏi-sau là đáp. Lại trước là nêu ra Minh Vấn, sau là giải thích về Vấn Minh.

**Đoạn 1: Duyên khởi thậm thâm.**

*Thứ nhất:* Trong phần hỏi có hai:

Một: Làm sáng tỏ về vị Chủ của việc hỏi-đáp, hỏi Giác Thủ là bởi vì vị ấy đạt được môn này, nghĩa sâu xa của duyên khởi mà không giác ngộ thì mãi lưu chuyển.

Hai: Từ “Phật tử tâm tánh...” trở xuống là chính thức hiển bày về đầu mỗi câu hỏi, sơ lược đưa ra năm môn: 1- Hỏi về việc đã làm; 2- Nói rõ ý câu hỏi; 3- Xác định điều đã hỏi; 4- Hiểu rõ điểm trái nhau; 5- Giải thích về văn này.

1) *Hỏi về việc đã làm:* Bởi vì có hai nghĩa, cho nên nêu ra hỏi đầu tiên: a- Loại bỏ kiến giải khác nhau; b- Hiển bày về lý sâu xa.

a) Loại bỏ kiến giải khác nhau, có ba: Một: Khiến cho các Bồ-tát nhận biết về pháp thuận theo duyên, khác với kiến giải của ngoại đạo. Hai: Nhận biết thuận theo tâm mà hiện bày, rời bỏ kiến giải của Nhi thừa. Ba: Chỉ do tâm tánh mà khởi lên, không giống như Quyền giáo.

b) Hiển bày về lý sâu xa, khiến cho các Bồ-tát phát khởi tin hiểu (Tín giải) sâu xa đối với Thật nghĩa này, khởi Hạnh-chứng Chân, từ đầu đến cuối đều Thật, cho nên hỏi về nghĩa này. Luận Khởi Tín nói: “Có pháp có thể phát khởi Tín căn Đại thừa (Ma-ha-diễn), vì vậy cần phải thuyết giảng.” Pháp đã nói đến, gọi là tâm của chúng sinh, dựa vào pháp của một tâm, có Chân như môn và Sinh diệt môn. Luận ấy dựa vào đây mà sinh khởi niềm tin thanh tịnh.

2) *Nói rõ ý câu hỏi:* Nghĩa là trình bày về tâm-tánh là một, vì sao thấy có các loại quả báo? Nếu Tánh tùy theo Sự khác nhau thì mất đi Chân đế, nếu Sự tùy theo Tánh như nhau thì làm hỏng Tục đế. Giả sử nói cứu vãn điều ấy: Quả báo sai biệt đương nhiên do các nghiệp huân tập trong Thức mà biến hiện, không liên quan đến tâm-tánh, cho nên không có gì trái nhau. Bởi vì ngăn chặn sự cứu vãn này, cho nên lại chất vấn rằng: Nghiệp không nhận biết tâm..., nghĩa là tâm và nghiệp dựa vào nhau đều không có tự tánh, tự tánh hãy còn không có thì làm sao có thể nhận biết nhau? Mà các pháp sinh ra, đã lìa xa Chân tánh, đều

không tự mình tồn tại, rõ ràng đây là đều dựa vào tâm-tánh mà khởi lên. Tâm-tánh đã một thì Sự lẽ ra không nhiều, Sự pháp đã nhiều thì tánh lẽ ra không phải là một. Đây là chất vấn về gốc-ngọn trái ngược nhau, cũng là lý-sự trái ngược nhau, cũng là một-khác trái ngược nhau, cũng là chân-vọng trái ngược nhau.

3) *Xác định điều đã hỏi*: Dựa theo ý của câu hỏi này, tách rời Như Lai Tạng không thừa nhận tám Thức chủ động-thụ động huân tập..., có tự Thể riêng biệt có thể sinh ra các pháp, chỉ riêng Như Lai Tạng là chỗ dựa để sinh ra, cũng không thể nói tám Thức không có hai loại, cho nên gọi là tâm-tánh chỉ một. Bởi vì có thể sinh ra các loại cho nên không trái ngược nhau, cũng không phải Thức thứ tám mà làm tánh như nhau, huân tập trở thành các loại cho nên không trái ngược nhau, vì vậy nói tâm-tánh không phải Thức thứ tám. Trong phần giải đáp đã nói: Pháp tánh vốn không sinh, thị hiện mà có sinh. Pháp tánh tức là tên gọi khác của Chân Như, chính là cùng với sự thuộc Báo trái ngược nhau, cho nên trở thành chất vấn mà thôi. Văn Thù muốn hiển bày về lý của Thật giáo, cho nên dùng tâm-tánh mà làm nguồn gốc để chất vấn, muốn khiến cho Giác Thủ quyết định dùng pháp tánh nêu ra sinh khởi mà giải đáp về Hải hội cùng chứng được. Kinh Lăng Già-Mật Nghiêm đều mở rộng giải thích.

4) *Hiểu rõ điểm trái nhau*: Hỏi: Nếu như vậy thì trong luận Du Già..., dị thực của A-lại-da thuận theo chủng tử của phiền não-nghiệp làm Thể mà sinh khởi, không phải do Như Lai Tạng tùy duyên mà thành, làm thế nào để giải thích thông suốt? Đáp: Trong luận Du Già..., đối với phạm phu-Tiểu thừa, đại khái dựa vào Quyền giáo tùy theo tướng mà nói; kinh Lăng Già-Mật Nghiêm đối với Đại Bồ-tát, dựa vào Thật giáo dùng hết lý mà nói. Căn cơ đã có Đại-Tiểu thì pháp có cạn-sâu, giáo có Quyền-Thật, cho nên không trái ngược nhau.

Vì vậy kinh Mật Nghiêm nói: “Đức Phật dạy: Như Lai Tạng lấy làm A-lại-da, Tuệ ác không thể nào nhận biết Tạng tức là Thức A-lại-da.” Đây là trình bày về giữ lấy Quyền-cự tuyệt Thật, chỉ trích là Tuệ ác. Lại kinh ấy nói: “Như Lai Tạng thanh tịnh là A-lại-da thế gian, như vàng ròng và chiếc nhẫn lần lượt chuyển tiếp không có gì sai biệt.”

Trong kinh Lăng Già nói: “Thức chân thật và Thức hiện hành, như cục bùn và mảy trần, không khác nhau-không phải không khác nhau; đồ vật trang nghiêm bằng vàng ròng cũng lại như vậy.” Đây là nghĩa này. Lại kinh ấy nói: “Như Lai Tạng bởi vì từ vô thủy do tập khí xấu ác đã huân tập, gọi là Tạng thức.

Lại kinh Nhập Lăng Già nói: “Như Lai Tạng gọi là Thức A-lại-da, mà cùng với Vô minh có đủ bảy Thức đi cùng.”

Lại luận Khởi Tín nói: “Không sinh-không diệt hòa hợp với sinh diệt, không phải một-không phải khác, gọi là Thức A-lại-da.”

Lại như kinh Đạt Ma có tụng rằng: “Từ vô thủy đến nay, Giới là chỗ dựa bình đẳng của các pháp.”

Nhiếp Luận... dựa vào Sơ giáo giải thích rằng: “Giới là nghĩa về nhân, tức là Thức thuộc chủng tử.”

Luận Bảo Tánh dịch về tụng này rằng: “Tánh này từ vô thủy đến nay...” Luận ấy dựa vào Thật giáo giải thích rằng: “Tánh, gọi là Như Lai Tạng tánh; như Thánh giả, kinh Thắng Man nói: Dựa vào Như Lai Tạng mà có sinh tử, dựa vào Như Lai Tạng mà có Niết-bàn.”

Bởi vì các văn như vậy, cho nên biết hai Tông không giống nhau, cạn-sâu có thể thấy.

Lại trong luận Duy Thức..., cũng nói Chân Như là Thật tánh của Thức, nhưng người sau giải thích, nhất định nói là Bất Biến làm mất đi Tùy Duyên, lỗi lầm thuộc về thế hệ sau mà thôi.

5) *Giải thích văn*, trong văn phân làm ba phần riêng biệt: a- Tâm tánh là một, là lập Tông dựa vào quyết định; b- Từ “Vân hà...” trở xuống là thiết lập chất vấn về trái ngược nhau; c- Từ “Nghiệp bất tri tâm...” trở xuống là kết luận thành tựu chất vấn trước đây.

a) Tâm tánh là một, là lập Tông dựa vào quyết định: Nghĩa là tánh của tâm, là Như Lai Tạng. Lại tâm tức là tánh, là tâm thuộc tự tánh thanh tịnh. Lại tánh của Vọng tâm là tánh thuộc Vô tánh, là Như Lai Tạng Không. Tánh của Chân tâm là tánh thuộc Thật tánh, là Như Lai Tạng Bất Không. Điều bình đẳng không hai, cho nên nói là một.

b) Trong phần thiết lập chất vấn về trái ngược nhau, có hai: Một: Tổng quát hiển bày về trái ngược nhau, nghĩa là tâm-tánh đã một, vì sao mà có các căn của năm nẻo, bởi vì quả báo khác nhau về tổng quát-riêng biệt, cho nên nói là các loại không giống nhau. Hai: Từ “Sở vi...” trở xuống là riêng biệt nêu ra điểm trái ngược nhau, có mười sự-năm cặp: Một cặp đầu dựa theo quả báo tổng quát để trình bày về nẻo có thiện ác, thiện gọi là cõi trời-người, ác gọi là ba đường ác; bốn cặp sau đều dựa theo quả báo riêng biệt. Trong đó: Cặp thứ hai, nghĩa là ở trong nẻo thiện-ác trước đây, các căn có đủ-thiếu, đó là căn bên trong như mắt...; cặp thứ ba, ở trong đủ-thiếu trước đây, sinh ra đều có giống nhau-khác nhau, đó là bốn sinh loại không giống nhau, nơi chốn hơn-kém khác nhau; cặp thứ tư, đối với nơi sinh giống nhau-khác nhau trên

đây, đều có dung mạo đẹp-xấu; cặp thứ năm, đối với đẹp-xấu trên đây, đều có thọ nhận khổ-vui.

Năm cặp trên đây những cặp trước đều có đủ những cặp sau, những cặp sau nhất định phải có những cặp trước, lần lượt chuyển tiếp khác nhau-giống nhau mà trở thành nhiều sai biệt, cho nên nói là các loại không giống nhau. Tâm-tánh là một, nghĩa ấy ở đâu?

c) Trong phần kết luận thành tựu chất vấn trước đây, ý văn này có phần khó nhận thấy, sơ lược đưa ra hai cách giải thích: Một: Dựa vào Cổ đức đưa ra ngăn chặn cứu vãn mà trở lại chất vấn, như trong ý của câu hỏi thứ hai trước đây phân rõ; hai: Thăng thấn kết luận thành tựu chất vấn trước đây.

Lại dựa vào văn giải thích này, tự nhiên có ba ý, bởi vì ý chất vấn trước đây cũng có ba: 1: Bởi vì thăng thấn hỏi về nguyên cố, cho nên nay kết luận rằng: Không những tánh vốn có là một, mà tôi suy xét kỹ càng thì sự việc hiện tại đều không nhận biết nhau. Đã có các loại thì vì sao không nhận biết nhau? Đã không nhận biết nhau thì cái gì gọi là các loại? Nếu nói là nghiệp thì khiến cho nghiệp của các loại không nhận biết về tâm, nếu nói là tâm thì khiến cho tâm của các loại không nhận biết về nghiệp, quán sát từng điều một chưa biết được nguyên cố của các loại. 2: Bởi vì hoài nghi, cho nên kết luận rằng: Đã không nhận biết nhau, thì đó là một tánh, hay là các loại? 3: Đưa ra chất vấn trái ngược nhau, kết luận rằng: Một tánh tùy theo các loại thì trái với Chân đế, các loại tùy theo một tánh thì trái với Tục đế. Nay thấy các loại lại không nhận biết nhau, hai điều này trái ngược lẫn nhau, vì sao cùng tồn tại?

Đã nhận biết về đại ý, tiếp đến là chính thức giải thích văn, cũng có mười sự-năm cặp, sơ lược đưa ra hai cách giải thích: a: Nối thông; b: Tách biệt.

Mục a: Nối thông, nghĩa là tổng quát quán sát về hai Báo tổng quát-riêng biệt trước đây, trong đó: Cặp thứ nhất, ngay nơi nhân của nghiệp trước kia, dựa theo chủ động-thụ động nương tựa để chất vấn, nhưng có hai ý: Một là dựa theo Bản thức, nói nghiệp là chủ động nương tựa, tâm là thụ động nương tựa. Lìa xa thụ động không có chủ động, cho nên nói là nghiệp không nhận biết tâm; lìa xa chủ động không có thụ động, cho nên nói là tâm không nhận biết nghiệp. Bởi vì tất cả không có Thể-Dụng, không thể nào tác thành lẫn nhau. Tất cả đã không nhận biết nhau, thì cái gì sinh khởi các loại? Phần sau đều dựa theo đây. Hai là dựa theo Thức thứ sáu, nghiệp là thụ động tạo tác, tâm là chủ động tạo tác, cả hai đều nhanh chóng diệt-khởi. Lúc khởi không nói là Ngã



khởi, lúc diệt không nói là Ngã diệt, thì năng lực nào có Thể mà có thể phát sinh lẫn nhau trở thành các loại? Cặp thứ hai, dựa theo lúc nhận lấy quả của báo để chất vấn về chủ động-thụ động thọ nhận, nghĩa là thọ chính là nhân của báo, tức là danh ngôn, chủng loại là do nghiệp mà dẫn đến chủ động thọ báo-thụ động thọ báo. Lìa xa báo không có thọ, cho nên nói là thọ không nhận biết báo; lìa xa thọ không có báo, cho nên nói là báo không nhận biết thọ. Bởi vì đều không có Thể, dựa theo trước nên biết! Cặp thứ ba, dựa theo nhân của danh ngôn ngay nơi chủ động-thụ động nương tựa để chất vấn, nghĩa là nhân của chủ động thọ báo trước đây, dựa vào tâm không có Thể cho nên không nhận biết nhau, nghĩa còn lại giống như trước. Cặp thứ tư, dựa theo nhân duyên ngay nơi thân-sơ nhờ cậy nhau để chất vấn, nghĩa là đã dẫn đến danh ngôn thì chủng loại làm nhân, có thể dẫn dắt thì nghiệp làm duyên, đối đãi với nhau-làm mất lẫn nhau đều không có tự tánh, như không tự nhiên sinh khởi..., dựa theo có thể biết. Cặp thứ năm, dựa theo cảnh-trí đối lập với nhau, nhìn thấy lẫn nhau trống rỗng không có chất vấn, nghĩa là cảnh do tâm mà biến hiện cho nên cảnh không nhận biết tâm, tâm dựa vào cảnh mà sinh khởi cho nên tâm không nhận biết cảnh. Bởi vì không có tâm ngoài cảnh có thể chọn lấy cảnh ngoài tâm, vì thế cho nên tâm và cảnh hư vọng không nhận biết nhau.

Mục b: Tách biệt quán sát: Một là dùng cặp thứ nhất và cặp thứ hai để kết luận về nẻo của thiện-ác; nẻo của thiện-ác, chính là do nghiệp huân tập mà thọ báo tổng quát. Hai là lại dùng cặp thứ hai và cặp thứ ba để kết luận về thọ sinh giống nhau và khác nhau, cặp thứ hai dùng danh ngôn chủng loại hưởng về nơi chốn thụ động sinh ra, cặp thứ ba dùng danh ngôn chủng loại hưởng về Bốn thức chủ động nương vào. Ba là lại dùng cặp thứ ba và cặp thứ tư để kết luận về khổ-vui không giống nhau và đoạn chánh-thô lậu, cặp thứ ba quán về lúc đang thọ nhận, cặp thứ tư quán về nhân của khổ-vui và xấu-đẹp ấy, đều bởi vì duyên mà khiến cho khác nhau, nghĩa là nhân của tổn hại-lợi ích mà thành tựu về quả của khổ-vui, bởi vì nóng giận-nhẫn nhịn mà thành tựu về quả của xinh đẹp-xấu xí. Bốn là lại dùng cặp thứ tư và cặp thứ năm để kết luận về các căn đầy đủ-thiếu hụt, cũng bởi vì nhân duyên-nghiệp đầy đủ, có khác nhau về tổn hại đến người-lợi ích cho người, cho nên trở thành quả đầy đủ-thiếu hụt trong sáu xứ. Lại bởi vì căn bên trong có đầy đủ-thiếu hụt, cho nên ở phần vị phân biệt hiểu rõ về cảnh không giống nhau. Tất cả đều Vô tánh, đều không nhận biết nhau; đã không nhận biết nhau, thì điều gì khiến cho phát sinh các loại?

*Thứ hai:* Từ “Thời Giác Thủ...” trở xuống là trong phần giải đáp, có hai:

Một: Một kệ khen ngợi thưa hỏi nhận lời thuyết giảng, nửa kệ trước là khen ngợi thưa hỏi, nghĩa là tự mình suy xét kỹ về ý chỉ sâu xa, luôn luôn vì người khác, tâm nhân ái làm lợi ích rộng lớn; câu tiếp là nhận lời thuyết giảng, bởi vì phạm vi giới hạn thuyết giảng phù hợp với tánh; câu cuối là khuyến khích lắng nghe, lời giống nhau mà ý khác nhau, vì vậy khiến cho chăm chú để tiếp nhận.

Hai: Mười kệ chính thức giải đáp, xu thế giải đáp ngang dọc tự nhiên, giải đáp đầy đủ ý của ba lớp thưa hỏi trước đây.

Mười kệ phân làm hai: Năm kệ trước giải đáp trong phần giải thích về thành tựu trước đây, vì nhân duyên gì mà không nhận biết nhau? Dùng phần giải thích về thành tựu này để giải đáp chất vấn trước đây, cho nên trình bày về điều ấy đầu tiên. Năm kệ sau là chính thức giải đáp chất vấn trước đây.

Trong năm kệ trước, phân hai: Một kệ đầu là Pháp thuyết; bốn kệ sau là Dụ so sánh.

Một kệ đầu có ý nói rằng: Chỉ bởi vì các loại thuận theo duyên, cho nên không nhận biết nhau. Ngay trong kệ này, nửa kệ trước là đưa ra nhân, nửa kệ sau là kết luận đưa về Tông vốn có. Bốn kệ sau tức là Đồng Dụ, Lượng nói rằng Nhân... là pháp có, nhất định không nhận biết nhau, vốn là pháp của Tông; Nhân nói rằng thuận theo duyên cho nên không có Thể-Dụng; Đồng Dụ nói rằng như nước ở trong sông, nước sông không có Thể-Dụng cho nên nước và sông không nhận biết nhau, Nhân... không có Thể-Dụng cho nên Nhân... không nhận biết nhau. Nếu dùng môn Duyên Khởi Tương Do để giải thích thì câu đầu là nhân duyên dựa vào nhau, cả hai đều không có lực; câu tiếp là pháp của quả hàm chứa không thật, bởi vì không có Thể tánh. Đến trong Dụ sau sẽ riêng biệt giải thích điều này. Vì thế cho nên duyên khởi hư vọng tóm lược có ba nghĩa: Một-Bởi vì cùng dựa vào nhau đều không có Thể-Dụng, cho nên không nhận biết nhau; hai-Bởi vì dựa vào không nhận biết-không có tánh này, cho nên mới có duyên khởi; ba-Bởi vì pháp hư vọng này đều không vốn có, khiến cho chân lý về Vô tánh luôn luôn hiển bày rõ ràng. Văn hiện tại chỉ có hai ý một và ba.

Nói về các pháp, không những đưa ra mười sự-năm cặp trước đây, mà cũng bao gồm tất cả pháp hữu vi. Quả từ nhân mà sinh ra, cho nên quả không có Thể tánh. Nhân do quả mà tồn tại, cho nên nhân không có Thể tánh. Nhân không có Thể tánh, thì sao có tác dụng để cảm đến

quả? Quả không có Thể tánh, thì lẽ nào có công năng để đáp lại nhân? Lại cùng đối đãi với nhau cho nên không có lực. Lấy cái khác làm chính mình cho nên không có Thể. Trong nửa kệ sau kết luận vì thế cho nên, là bởi vì Thể-Dụng trước đây đều không có, cho nên tất cả pháp ấy, tất cả đều không nhận biết nhau.

Bốn kệ sau là Dụ do sánh, sơ lược có hai ý: 1- Dùng bốn Dụ này để tổng quát giải thích nói về các pháp không nhận biết nhau; 2- Riêng biệt hướng về các pháp không nhận biết nhau ở văn trước, bao gồm tổng quát về thiết lập chất vấn trước đây.

**Ý 1:** Dùng bốn Đại làm Dụ, nhưng mỗi kệ đều có ba câu trước là Dụ để so sánh, câu sau là Pháp để kết hợp.

Nhưng bốn Dụ này, mỗi Dụ hiển bày về một nghĩa: Thứ nhất: Dựa vào nước có dòng chảy rót vào; Thứ hai: Dựa vào ngọn lửa cháy lên và tắt đi; Thứ ba: Dựa vào gió có tác dụng lay chuyển; Thứ tư: Dựa vào đất có chịu đựng duy trì.

Bốn nghĩa trong Pháp: Một: Dựa vào Chân-Vọng nối tiếp nhau; Hai: Dựa vào Chân-Vọng khởi lên và diệt đi; Ba: Dụng của Vọng dựa vào Chân mà khởi lên; Bốn: Vọng do Chân mà duy trì.

Nhưng Pháp-Dụ này, mỗi một loại đều có ba nghĩa: Một: Chỉ dựa vào chủ động nương tựa; hai: Dựa vào thụ động nương tựa; ba: Chỉ riêng thụ động nương tựa.

Trong Dụ thứ nhất: Dựa vào nước có dòng chảy rót vào.

Ba nghĩa trong Dụ: Một: Chỉ dựa vào chủ động nương tựa; hai: Dựa vào thụ động nương tựa; ba: Chỉ riêng thụ động nương tựa.

Một: Chỉ dựa vào chủ động nương tựa, đó là dòng chảy. Nhưng dòng chảy rót vào này có mười nghĩa không nhận biết nhau, mà thành tựu dòng chảy rót vào: 1- Dòng chảy trước không tự mình tuôn chảy, do dòng chảy sau thúc đẩy mà tuôn chảy, bởi vì dòng chảy trước không có tự tánh cho nên không nhận biết dòng chảy sau. 2- Dòng chảy sau tuy thúc đẩy dòng chảy trước mà không đến được dòng chảy trước, cho nên cũng không nhận biết nhau. 3- Dòng chảy sau không tự mình tuôn chảy, do dòng chảy trước dẫn dắt mà tuôn chảy, bởi vì dòng chảy sau không có tự tánh, cho nên không thể nào nhận biết dòng chảy trước. 4- Dòng chảy trước tuy dẫn dắt dòng chảy sau mà không đến được dòng chảy sau, cho nên cũng không nhận biết nhau. 5- Chủ động thúc đẩy cùng với thụ động dẫn dắt không hai, cho nên không nhận biết nhau. 6- Chủ động dẫn dắt cùng với thụ động thúc đẩy không hai, cho nên không nhận biết nhau. 7- Chủ động thúc đẩy cùng với thụ động thúc đẩy cũng

không hai, cho nên không nhận biết nhau. 8- Chủ động dẫn dắt cùng với thụ động dẫn dắt cũng không hai, cho nên không nhận biết nhau. 9- Chủ động thúc đẩy cùng với chủ động dẫn dắt không có thể đi cùng, cho nên không nhận biết nhau. 10- Thụ động thúc đẩy cùng với thụ động dẫn dắt cũng không có thể đi cùng, cho nên không nhận biết nhau. Vậy thì trước-sau không đến được với nhau, gọi là không có tự tánh. Chỉ nhờ vào không nhận biết-không có tánh như vậy mới có dòng chảy rót vào, thì không tuôn chảy mà tuôn chảy. Triệu Công nói: “Nước sông tranh nhau rót vào mà không tuôn chảy.” Tức là nghĩa ấy.

Nhưng trên đây nói về trước-sau, là nối thông với hai nghĩa: Một là trước-sau thuộc về sinh-diệt, nghĩa là diệt trước-sinh sau, dẫn dắt thúc đẩy lẫn nhau. Hai là trước-sau thuộc về đây-kia, tức là sống trước-sống sau. Tiểu thừa cũng nói đến sinh-diệt ngay nơi ấy, không để cho từ nơi này chuyển đến phương khác, mà không nhận biết về nghĩa của duyên khởi Vô tánh vậy thôi.

Hai: Dựa vào thụ động nương tựa, nghĩa là dòng chảy trước-dòng chảy sau, tất cả đều dựa vào nước, đều không có tự Thể, vì vậy không thể nào nhận biết nhau, nhưng không làm hỏng tướng của dòng chảy cho nên nói là dòng nước.

Ba: Chỉ riêng thụ động nương tựa, dòng chảy đã hoàn toàn không có mà chỉ là nước, nước trước-nước sau bởi vì không có hai tánh, cho nên không thể nào nhận biết nhau, vậy thì vốn không có dòng chảy mà nói là dòng chảy.

Ba nghĩa trong Pháp: Một: Dòng chảy dụ cho chủ động nương vào pháp Vọng; hai: Vọng dựa vào Chân mà tồn tại; ba: Vọng không còn mà chỉ có Chân.

Trong nghĩa một: Pháp duyên khởi hư vọng tựa như nương nhờ lẫn nhau, đều không thể nào đến được với nhau, bởi vì tất cả không có tự tánh cho nên không nhận biết nhau, vậy thì có mà không phải là có.

Hai: Dựa vào thụ động nương tựa, nghĩa là pháp Vọng này, tất cả đều tự nhiên trống rỗng, hàm chứa Chân mới tồn tại, đâu có Thể-Dụng có thể nhận biết nhau-tác thành lẫn nhau? Tức là bởi vì không nhận biết-không tác thành này hàm chứa Chân mà có, vậy thì không phải có mà trở thành có.

Ba: Chỉ riêng thụ động nương tựa, nghĩa là pháp Vọng chủ động nương tựa, xưa nay không có Thể-Dụng, chỉ có Chân tâm vươn thẳng lên cao mà hiển bày rõ ràng. Đã không có đây-kia, sao có nhận biết nhau? Đích thực bởi vì nghĩa này, mà pháp Vọng có tức là không phải

có, lấy không có làm có. Lại nói Chân tánh ẩn kín tức là không phải ẩn kín, lấy không ẩn kín làm ẩn kín.

Ba ý trên đây tức là ba loại giải đáp, giải đáp ba loại thưa hỏi trước đây, nên suy nghĩ!

Vì sao dùng nước dụ cho Chân tâm, là bởi vì nước có mười nghĩa giống như Chân tánh: 1- Thể của nước lắng trong, dụ cho tự tánh thanh tịnh của tâm. 2- Gặp bùn trở thành đục, dụ cho tâm thanh tịnh, không nhiễm mà nhiễm. 3- Tuy đục mà không mất đi tánh thanh tịnh, dụ cho tâm thanh tịnh, nhiễm mà không nhiễm. 4- Nếu bùn lắng thì trong veo hiện rõ, dụ cho Chân tâm hết phiền não thì tánh hiện rõ. 5- Gặp lạnh đóng thành băng mà có Dụng của vật cứng, dụ cho Như Lai Tạng cùng với Vô minh hợp lại thành Dụng của Bản thức. 6- Tuy thành Dụng của vật cứng mà không mất đi tánh mềm, dụ cho ngay nơi Sự luôn luôn Chân. 7- Gặp nóng thì tan chảy trở thành mềm, dụ cho Bản thức trở lại thanh tịnh. 8- Tùy theo gió mà nổi sóng nhưng tánh yên lặng không thay đổi, dụ cho Như Lai Tạng tùy theo gió Vô minh, sóng lớn nổi lên và lặng đi mà tự tánh không sinh diệt không thay đổi. 9- Thúc đẩy và dẫn dắt tuôn chảy rót vào tùy theo đất cao-thấp, mà tự tánh không thay đổi, dụ cho Chân tâm tùy duyên tuôn chảy rót vào, mà tánh thường trong lặng. 10- Tùy theo vật dụng vuông-tròn mà không mất đi tự tánh, dụ cho tánh của Chân Như rộng khắp tất cả các pháp hữu vi, mà không mất đi tự tánh.

Sơ lược phân rõ về mười nghĩa, bởi vì có phần ít tựa như Chân, cho nên phần nhiều dùng nước làm ví dụ. Nghĩa này xem văn tuy tựa như không đầy đủ, mà phần nhiều nối thông với các kinh.

Trong Dụ thứ hai: Dựa vào ngọn lửa cháy lên và tắt đi, ba nghĩa giống như trước.

Một: Chỉ riêng ngọn lửa, nghĩa là ngọn lửa cháy lên (khởi) và tắt đi(diệt) có hai nghĩa: 1: Ngọn lửa trước lụi tàn tắt đi dẫn dắt ngọn lửa sau cháy lên, ngọn lửa sau không có Thể cho nên không thể nào nhận biết ngọn lửa trước; ngọn lửa trước đã tắt đi mà không có gì nhận biết, vì thế cho nên tất cả đều không nhận biết nhau. 2: Ngọn lửa trước nếu chưa tắt đi, thì cũng dựa vào ngọn lửa trước dẫn dắt, bởi vì không có Thể cho nên không thể nào nhận biết; ngọn lửa sau chưa sinh cho nên không có gì nhận biết, vì vậy ngọn lửa trước-sau cũng không nhận biết nhau. Pháp Vọng cũng như vậy, sinh diệt trong sát-na không thể nào tự mình tồn tại, nghĩa là đã diệt-chưa sinh, không có vật gì để có thể nhận biết; sinh rồi thì diệt, không có Thể để có thể nhận biết, vì vậy đều

không hề có gì. Đây là vàng chảy đá nát mà không nóng.

Hai: Dựa vào thụ động nường tựa, nghĩa là ngọn lửa ấy vẫn bởi vì đối với pháp không có Thể-không có Dụng này cho nên không nhận biết nhau, mà có tướng hư vọng của cháy lên và tắt đi, vậy thì nhận lấy không phải có để làm có; pháp Vọng cũng như vậy, dựa vào lý Chân này không có gì nường tựa mới là pháp Vọng, thì cũng không phải có lấy làm có.

Ba: Chỉ riêng thụ động nường tựa, suy ra ngọn lửa cháy lên và tắt đi, Thể-Dụng đều không có, lý về không có ngọn lửa thẳng thắn hiển bày rõ ràng, vậy thì không có cái có của pháp Vọng, mà có cái không có của pháp Vọng, hiển bày rõ ràng trong suốt, liền khiến cho tất cả các tướng của Duyên khởi đều không còn, tất cả các lý của Vô tánh đều hiện rõ.

Trong ba nghĩa trên, cũng như thứ tự của Dụ giải đáp về ba câu hỏi trước đây; hai Dụ sau dựa theo biết rõ.

Trong Dụ thứ ba-Dựa vào gió có tác dụng lay chuyển, dụ cho Dụng của Vọng dựa vào Chân mà khởi lên, ba nghĩa giống như trước.

Một: Chỉ riêng lay chuyển, là lia xa vật thụ động lay chuyển, tướng lay chuyển của gió rõ ràng không thể đạt được, không thể nào nhận biết nhau; pháp Vọng cũng như vậy, lia xa Thể của Chân thụ động nường tựa, bởi vì không thể đạt được, cho nên không nhận biết nhau. Đây là mây mù vẫn vũ hạ xuống núi cao mà luôn luôn yên lặng.

Hai: Dựa vào thụ động nường tựa, nghĩa là gió không thể nào tự mình lay chuyển, cần phải dựa vào vật để hiện rõ lay chuyển, lay chuyển không có tự Thể thì có thể dùng vật để nhận biết; vật không tự mình lay chuyển mà tùy theo gió không có Thể, cho nên không thể nào nhận biết về gió. Trong pháp, thì pháp Vọng chủ động nường tựa cần phải dựa vào Chân mà tồn tại, bởi vì không có Thể cho nên không nhận biết về Chân, Chân tùy theo Vọng ẩn kín, bởi vì không có Tướng cho nên không nhận biết về Vọng.

Ba: Chỉ riêng thụ động nường tựa, nghĩa là gió thổi vào vật, lay chuyển chỉ riêng vật lay chuyển, bởi vì tướng gió đều không còn, cho nên không thể nào nhận biết nhau. Tác dụng của pháp Vọng, tự bản tánh là Không, chỉ riêng Chân thụ động nường tựa thẳng thắn hiển bày rõ ràng. Vì thế cho nên pháp Vọng hoàn toàn không còn mà không diệt, Chân tánh hoàn toàn ẩn kín mà luôn luôn lộ ra, pháp chủ động-thụ động huân tập... vốn tự nhiên như vậy, suy nghĩ có thể thấy.

Trong Dụ thứ tư-Dựa vào đất có chịu đựng duy trì, dụ cho Vọng do

Chân mà duy trì, ba nghĩa giống như trước.

Một: Địa giới nương tựa vào nhau có hai loại nghĩa: 1: Dựa theo chủng loại của mình; 2: Dựa theo chủng loại khác nhau.

Trong 1: Dựa theo chủng loại của mình, từ tầng (tế) Kim Cang lên đến mặt đất, đều là tầng trên dựa vào tầng dưới, tầng dưới duy trì tầng trên, lần lượt chuyển tiếp nương tựa vào nhau mà được an trú. Nhưng tầng trên chủ động dựa vào đều lìa xa thụ động không có Thể, mà có thể nhận biết tầng dưới; tầng dưới chủ động duy trì cũng đều lìa xa thụ động không có Thể, có thể khiến cho nhận biết tầng trên. Lại những tầng trên chủ động dựa vào suốt đến tầng dưới, mà không có tầng dưới nào có thể nhận biết nhau; những tầng dưới chủ động duy trì suốt đến tầng trên, mà không có tầng trên nào có thể nhận biết nhau. Vì vậy, hoặc là tướng dựa vào-hoặc là tướng duy trì, tất cả đều không còn. Pháp Vọng đã hiện rõ nên biết cũng như vậy, phải là thô dựa vào tế, nghĩa là khổ báo dựa vào nghiệp, nghiệp dựa vào Vô minh mà tạo tác, Vô minh dựa vào nghiệp đã tạo tác, lần lượt chuyển tiếp không có Thể, không có vật nào có thể nhận biết nhau. Đây là chỗ đầy vạn vật mà mất hết tri giác. Triệu Công cũng nói: “Trời đất lật ngược không cho là không yên lặng.”

Trong 2: Dựa theo chủng loại khác nhau, như văn sau nói: Địa luân dựa vào Thủy luân, Thủy luân dựa vào Phong luân, Phong luân dựa vào Hư không, Hư không thì không có chỗ dựa. Dựa theo điều này thì Cảnh vọng dựa vào Tâm vọng, Tâm vọng dựa vào Bốn thức, Bốn thức dựa vào Như Lai Tạng, Như Lai Tạng thì không có chỗ dựa. Vì vậy, nếu lìa xa Như Lai Tạng, thì các pháp Vọng còn lại đều dựa vào nhau, không có Thể để có thể nhận biết nhau. Vậy thì tất cả pháp Vọng đều không còn.

Hai: Dựa vào thụ động nương tựa, Địa giới chính là bởi vì đều không có tự tánh, mà có thể tồn tại vững vàng. Từ trước đến nay nếu có Thể thì không dựa vào nhau, không dựa vào nhau cho nên không thể nào có pháp. Vì vậy thu nhận Vô tánh này để thành tựu pháp ấy, Pháp kết hợp có thể biết.

Ba: Chỉ riêng thụ động nương tựa, nghĩa là thu nhận Vô tánh để thành tựu pháp ấy, vậy thì tất cả pháp ấy đều không còn, mà chưa hề không diệt, chỉ riêng lý Vô tánh mà một mình hiện rõ trước mắt. Nghĩa còn lại giống như trước.

Trên đây là giải đáp tổng quát về chất vấn trước đây để giải thích về thành tựu, xong.

**Ý 2:** Riêng biệt hưởng về các pháp không nhận biết nhau và bao gồm tổng quát về thiết lập chất vấn trước đây. Một: Dụ về dòng nước tuôn chảy, hai cặp trước không nhận biết nhau, là giải đáp chất vấn về hưởng đến thiện-ác, bởi vì Thể lưu chuyển thuộc nẻo thiện-ác. Hai: Dụ về lửa lớn, cặp thứ hai-thứ ba không nhận biết nhau, là giải đáp về các căn thọ sinh trước đây, như lửa dựa vào củi mà có sinh-diệt. Ba: Dùng gió mạnh dụ cho nhân duyên trước đây, là giải đáp về đẹp-xấu trước đây, bởi vì gặp vật làm cho sinh khởi mà hiện rõ các tướng. Bốn: Dùng Địa giới, cũng dụ cho nhân duyên, giải đáp về khổ-vui trước đây, lần lượt chuyển tiếp nương tựa vào nhau mà có nhẹ-nặng. Lại dụ cho Cảnh-Trí trước đây, giải đáp về các căn trước đây, bởi vì tùy theo chủng tử mà sinh căn... khác nhau.

Trên đây là tổng quát-riêng biệt đều giải đáp trong phần giải thích về thành tựu, vì nhân duyên gì mà tất cả không nhận biết nhau, xong.

Trong năm kệ sau, giải đáp về thiết lập chất vấn trước đây, văn phân làm ba: Một: Ba kệ đầu là chính thức giải đáp về chất vấn trước đây; Hai: Một kệ tiếp là giải thích thành tựu về nghĩa trước đây; Ba: Một kệ sau cuối là lướt qua dấu tích tiến vào sâu xa.

Một: Trong ba kệ đầu: 1- Trình bày về ý chính; 2- Giải thích văn.

1) Trình bày về ý chính, câu hỏi trước đây có ba lớp, nay ở đây có ba kệ, mỗi một kệ giải đáp đầy đủ trong ba câu hỏi trước đây.

Lớp thứ nhất thẳng thắn như vậy, hỏi rằng: Đã có các loại, vì sao có thể không nhận biết nhau? Năm kệ trước đã giải đáp từ đầu đến cuối. Đã không nhận biết nhau, vì sao có các loại? Giải đáp có bốn nhân: 1- Bởi vì phân biệt hư vọng; 2- Bởi vì các Thức huân tập; 3- Bởi vì Vô tánh cho nên không nhận biết nhau; 4- Bởi vì Chân Như tùy duyên. Kệ một có đủ nhân thứ 2-3, hai kệ còn lại đều có một nghĩa. Nhưng bốn nhân này chỉ là một cách thể hiện, nghĩa là do phân biệt hư vọng làm duyên, khiến cho Chân Như không giữ lấy tự tánh, tùy duyên thành tựu mà có các Thức, huân tập lần lượt chuyển tiếp vô cùng tận. Nếu thông hiểu về duyên hư vọng thì thành tựu duyên khởi thanh tịnh. Các Tông đều chọn lấy tất cả không lìa xa cảnh tượng, tiếp nhận một loại mà không phải những loại khác, đây là kiến giải thiên lệch.

Lớp thứ hai trước đây nghi ngờ rằng: Bởi vì là các loại hay là bởi vì một tánh? Nay giải đáp rằng: Luôn luôn là các loại, luôn luôn là một tánh.

Lớp thứ ba chất vấn rằng: Một tánh tùy theo các loại thì mất đi



Chân đế, các loại tùy theo một tánh thì làm hỏng Tục đế? Nay giải đáp rằng: Hai loại này thành lập lẫn nhau, lẽ nào là trái nhau? Tánh không phải là ngoài Sự thì đâu từng trái với các loại? Tánh của các loại là Không thì đâu từng trái với một tánh. Do không có mà có, một tánh có thể thành tựu các loại; duyên sinh vốn Không, các loại có thể thành tựu một tánh. Vì vậy pháp duyên khởi tổng quát có bốn nghĩa: 1- Duyên sinh vốn có, tức là vọng tâm phân biệt mà có, và các Thức huân tập. 2- Duyên sinh vốn Không, tức là trước đây nói: Các pháp không có tác dụng, cũng không hề có Thể tánh, vì vậy tất cả pháp ấy, tất cả không nhận biết nhau. 3- Vô tánh vốn có, luận nói: “Bởi vì có nghĩa về Không, tất cả pháp được thành tựu.” Kinh nói: “Từ căn bản Vô trú mà thiết lập tất cả các pháp.” Tức là trước đây nói đến tùy duyên. 4- Vô tánh vốn Không, tức là tất cả Không-Vô tánh. Vì vậy, Vô tánh duyên sinh vốn Không, thì không phải là cái Không của kiến chấp về Vô-kiến chấp về Đoạn, mà chính là Chân Không; Vô tánh duyên sinh vốn có, thì không phải là cái có của kiến chấp về Thường-kiến chấp về Hữu, mà chính là Huyền Hữu. Huyền Hữu tức là không có mà có, Chân Không tức là không Không mà Không; không Không mà Không cho nên gọi là không phải Chân Không, không có mà có cho nên gọi là không phải Thật Hữu. Không phải Không-không phải Hữu là nghĩa của Trung Đạo. Lại tách biệt về Không-Hữu này, mỗi loại đều có hai nghĩa:

Hai nghĩa về Không: 1- Chân Không chắc chắn không còn Huyền Hữu, bởi vì nếu không trừ hết Huyền Hữu thì không phải Chân Không. 2- Chân Không chắc chắn thành tựu Huyền Hữu, bởi vì nếu trở ngại Huyền Hữu thì không phải Chân Không.

Hai nghĩa về Hữu: 1- Huyền Hữu chắc chắn che phủ Chân Không, bởi vì Không ẩn kín mà Hữu hiện rõ. 2- Huyền Hữu chắc chắn không ngăn ngại Chân Không, bởi vì Huyền Hữu chắc chắn tự nhiên không còn mà khiến cho Chân Không hiện rõ đến cùng.

Vấn Thù đều dùng nghĩa đầu để chất vấn, Giác Thủ đều dùng nghĩa sau mà giải đáp. Dùng hai nghĩa đầu bởi vì khác nhau về Không-Hữu, dùng hai nghĩa sau bởi vì Không-Hữu tác thành lẫn nhau.

Nhưng hai loại này không hai, nghĩa là Hữu-Phi Hữu vốn không hai, là một Huyền Hữu; Không-Phi Không vốn không hai, là một Chân Không.

Vả lại, Phi Không cùng với Hữu vốn không hai, là một Huyền Hữu; Không và Phi Hữu vốn không hai, là một Chân Không.

Lại nữa, Huyền Hữu cùng với Chân Không vốn không hai, là pháp

giới cùng một vị, tức là nghĩa về Trung Đạo, là pháp môn lìa xa tướng, lìa xa tánh, không có chương, không có ngại, không có phân biệt. Dựa theo đây mà suy nghĩ.

Lại nữa, tánh có hai nghĩa: Một là nghĩa về Hữu; Hai là nghĩa về Không. Lại có hai nghĩa: Một là Bất biến; Hai là Tùy duyên.

Bởi vì nghĩa về Hữu, cho nên nói là do hai Không mà hiển bày, tức là pháp tánh vốn không sinh. Bởi vì nghĩa về Không, cho nên nói là Y tha Vô tánh tức là Viên thành, tức là tất cả không nhận biết nhau. Bởi vì nghĩa về Hữu, cho nên nói đến Bất biến. Bởi vì nghĩa về Không, cho nên nói đến Tùy duyên. Hai loại này vốn không hai, Tùy duyên tức là Bất biến, Bất biến cho nên có thể Tùy duyên. Nếu chỉ là Bất biến thì tánh làm sao hòa vào pháp? Nếu chỉ là Tùy duyên thì lẽ nào xứng với Chân tánh? Bởi vì tùy theo nơi chốn lưu hành mà có các loại khác nhau, mà ý vị vốn có ấy dừng lại ở núi Tuyết. Lại nếu tánh lìa xa pháp thì trở thành đoạn diệt, pháp lìa xa tánh thì xưa không có mà nay có. Lại nếu pháp tức là tánh, thì tánh thường lẽ ra pháp cũng thường; nếu tánh tức là pháp, thì pháp diệt lẽ ra tánh cũng diệt. Vì vậy, hai loại tác thành lẫn nhau, không phải Thường-không phải Đoạn; hai loại này làm mất lẫn nhau, cho nên nói là không phải Hữu-không phải Không, là nghĩa của Trung Đạo. Nếu như có thể hiểu được điều ấy thì không nghi hoặc gì về luận thuyết khác nhau của nhiều bộ phái, mong những người học quên đi cái của mình để tìm cầu tông chỉ!

## 2) Chính thức giải thích văn:

Kệ thứ nhất giải đáp ba câu hỏi: Một là giải đáp vì sao có các loại? Ở đây có đủ hai ý: Một: Bởi vì tám Thức huân tập mà thành, câu đầu nói về năm Thức, câu tiếp nói về Tâm, là nghĩa Tập khởi của Bốn thức, Ý thức bao gồm Thức sáu-bảy, Thức thứ bảy gọi là suy nghĩ xem xét, Thức thứ sáu gọi là Ý thức, nghĩa về phân biệt rõ ràng. Văn kệ hạn hẹp cho nên không dùng chữ Thức, cũng thấu nhiếp các tình thức. Đây là thuận theo nghĩa riêng biệt, theo nghĩa tổng quát thì tám Thức đều có thể gọi là Tâm-Ý-Thức. Các tình căn, là gồm chung tám chủng loại chứ không phải là một, năm Thức là dựa vào Sắc căn, Thức thứ sáu là dựa vào Thức thứ bảy, Thức thứ bảy-thứ tám dựa vào lẫn nhau. Và lại, Thức thứ bảy làm căn nhiễm ô, Thức thứ tám lại làm chỗ dựa của tất cả các Thức, mà nói là các tình căn. Nói vì vậy, bởi vì tám Thức trên là chủ động-thụ động huân tập, lần lượt chuyển tiếp làm nhân, mà thường lưu chuyển. Không phân biệt ta-người, cho nên nói là không có năng lực chuyển đổi; lại ngoài Thức không có pháp cũng là không có. Hai:

Trình bày về bởi vì không nhận biết nhau mới trở thành các loại, nửa kệ trước là đưa ra các loại. Nói vì vậy, là bởi vì không nhận biết nhau trước đây, nêu ra Thể tánh là Không thì mới trở thành lưu chuyển, tức là tám Thức này đều không có Thể tánh, pháp không có Thật ngã mà làm chủ thể, xưa nay nếu có tánh thì không thể nào huân tập-biến đổi, lẽ nào có thể lưu chuyển? Hai là loại bỏ nghi ngờ, bởi vì trong hư vọng có hai nghĩa: Một là lưu chuyển trống rỗng, hai là không có lưu chuyển, mà luôn luôn là các loại-luôn luôn là một tánh. Ba là giải đáp chất vấn, bởi vì lưu chuyển trống rỗng cho nên Tục không khác với Chân mà Tướng của Tục tồn tại, bởi vì không có lưu chuyển cho nên Chân không khác với Tục mà Thể của Chân tồn tại. Vì vậy không trái ngược lẫn nhau.

Kệ thứ hai cũng giải đáp ba câu hỏi: Một là trình bày về Chân Như tùy duyên cho nên trở thành các loại, là giải đáp về nguyên cơ: Câu đầu phù hợp với tâm-tánh trước đây là một, là nghĩa về Bất biến; câu tiếp giải đáp trước đây nói là sao thấy có các loại, là nghĩa về Tùy duyên, chỉ do tâm biến hiện mà thu nhận toàn bộ Chân tánh, sinh mà không phải là Thật sinh, cho nên nói là Thị hiện. Hai câu sau phù hợp với nghiệp không nhận biết tâm trước đây, bởi vì là Tùy duyên cho nên không mất đi nghĩa của tự tánh, là bởi vì các loại trong các nẻo hoàn toàn không thể đạt được, sinh tức là không có sinh. Không có chủ động hiện bày, là bởi vì tánh không lay động. Không có thụ động hiện bày, là bởi vì pháp vọng trống rỗng. Hai là loại bỏ nghi ngờ, là luôn luôn sinh-luôn luôn không có sinh. Nửa kệ trước tức là sinh mà không có sinh, nghiệp quả hiện bày rõ ràng. Vì vậy kinh Thắng Man nói: “Không nhiễm mà nhiễm, khó có thể nhận biết rõ ràng.” Nửa kệ sau nói về sinh tức là không có sinh, Chân tánh trong suốt rõ ràng. Vì vậy kinh Thắng Man nói: “Nhiễm mà không nhiễm, khó có thể nhận biết rõ ràng.” Lại pháp tánh vốn không có sinh, là Như Lai Tạng thuộc về Bất Không; trong này không có chủ động hiện bày, là Như Lai Tạng thuộc về Không. Ba là giải đáp chất vấn thứ ba, trong này không có chủ động hiện bày là tánh mà không phải tánh; cũng không có vật thụ động hiện bày là tướng mà không phải tướng. Lại thị hiện mà có sinh, là tánh không trái với tướng, cũng không có vật thụ động hiện bày, là tướng không trái với tánh; không hai làm thành hai, hai tức là không hai, viên dung vô ngại lẽ nào có trái ngược hay sao? Nói là pháp tánh, pháp là những pháp sai biệt về Y-Chánh..., tánh là Thể tánh làm chỗ dựa của pháp ấy, tức là tánh của pháp cho nên gọi là pháp tánh. Lại tánh dùng Bất biến làm nghĩa, tức là tánh này có thể làm chuẩn mực cũng gọi là pháp. Đây thì tánh tức là

pháp, cho nên gọi là pháp tánh. Hai nghĩa này đều dựa theo Bất biến để giải thích. Lại tức là tất cả các pháp đều Vô tánh, cho nên gọi là pháp tánh, tức là tánh của Tùy duyên, pháp tức là tánh. Bốn có hai nghĩa: 1- Dựa theo Bất biến, Bốn nghĩa là nguồn gốc, xưa nay không sinh, tùy duyên mà sinh. 2- Dựa theo Tùy duyên, có pháp này là vốn tự không sinh, chứ không phải diệt đi mới không có, ngay lúc thị hiện sinh ra mà vốn không sinh, vì vậy sau nói không có chủ động hiện bày.

Kệ thứ ba giải đáp ba câu hỏi. Một là giải đáp về nguyên cơ: Ba câu trước nói về các loại tức là một tâm-tánh, cũng phù hợp với không nhận biết nhau... của Văn Thù trước đây; câu sau là nêu ra nhân, bởi vì phân biệt hư vọng cho nên có các loại, chính thức giải đáp câu hỏi trước đây. Ở đây lại có hai ý: 1- Hai câu trước là Y tha khởi, câu tiếp là Viên thành thật, câu cuối là Biến kế tánh, bởi vì Biến kế cho nên có thể khởi lên Y tha, Y tha Vô tánh tức là Viên thành thật. Vì vậy luận Duy Thức nói: “Tự tánh của Y tha khởi, do duyên phân biệt mà sinh, Viên thành thật đối với nó, luôn luôn là xa tánh trước.” Vì vậy tánh này cùng với Y tha không phải khác nhau-không phải không khác nhau. 2- Hai câu trước là pháp do nhân duyên sinh, câu tiếp Tôi nói tức là Không, câu cuối cũng đều là giả danh. Hai loại này không hai, là nghĩa của Trung Đạo. Lại vọng tâm phân biệt mà có, bởi vì tình chấp nói là có. Nhưng có tức là không có, cho nên nói là tất cả Không-Vô tánh. Luôn luôn là Hữu-luôn luôn là Không, là ngay nơi vạn vật mà tự nhiên rỗng lặng, lẽ nào cần phải cắt xẻ để cầu mong thông suốt hay sao? Lại kệ trước từ gốc mà khởi ngọn, ngọn không khác gốc; kệ này thâm nhiếp ngọn đưa về gốc, gốc không ngăn ngại ngọn, lẽ nào trái ngược nhau hay sao?

Hai: Một kệ tiếp là giải thích thành tựu về nghĩa trước đây, nhưng có hai nghĩa: 1- Vì sao có thể nhận biết Vô tánh? Bởi vì Pháp nhãn quán sát phù hợp với tánh chứ không trái ngược, thành tựu duyên khởi thanh tịnh, nên biết Lý này rất là quyết định. 2- Kệ trước quở trách về thấy có các loại, là phân biệt hư vọng, không nên dựa vào điều này; kệ này phù hợp với quán sát về Vô tánh đều không nhận biết nhau, đây là Pháp nhãn hẵn nhiên nên nương tựa, tức là dựa vào Trí chứ không dựa vào Thức.

Ba: Một kệ sau cuối là lướt qua dấu tích tiến vào sâu xa, nghĩa là pháp tánh trước đây không có sinh, tất cả đều là Không thật sự. Thị hiện mà có sinh, Nhãn-Nhĩ... sai biệt không phải thật. Tâm hư vọng phân biệt thì có vọng, quán sát đúng như lý thì không phải là vọng. Bởi vì vọng làm duyên mà sinh ra lưu chuyển của thế gian, bởi vì quán sát đúng như

lý mà thành tựu xuất thế gian không trái với Pháp nhãn, đều là danh ngôn mà không có gì chân thật. Vì sao? Bởi vì như ngôn từ mà giữ lấy, nhưng muốn nói về Thật mà lại thị hiện sinh, muốn nói về không Thật mà Thế tánh tức là Không, muốn nói là Vọng thì Vọng không thể đạt được, muốn nói không phải Vọng thì có thể khiến cho lưu chuyển, muốn nói về thế gian thì chính là tướng Niết-bàn, muốn nói về xuất thế gian thì không có thế gian nào đáng xuất, thì nhiễm-tịnh cùng mất đi, là bởi vì vật không ngay nơi tên gọi mà dẫn đến Thật, tên gọi không ngay nơi vật mà dẫn đến Chân. Vậy thì Lý Thật chỉ vắng lặng ở ngoài ngôn giáo, lẽ nào văn ngôn có thể phân rõ hay sao? Cho nên tất cả chỉ là giả thuyết. Vì vậy, Đại sư La Thập nói: “Chỉ quên lời nói thì có thể phù hợp với Đạo, lòng rỗng lặng thì có thể thông suốt với Lý, tâm sâu xa thì có thể như nhau với Chân, loại bỏ trí thì có thể giống nhau với Thánh mà thôi.” Lại ba kệ sau, cũng như thứ tự trình bày quán sát về ba Vô tánh.

Lại năm kệ này hợp với bốn Dụ trước đây: Kệ một là dùng lưu chuyển hợp với dập dềnh trôi nổi trên dòng nước; kệ hai là hợp với lửa, lửa vốn không có sinh, tùy duyên mà sinh ra; kệ ba là hợp với gió, gió tức là trống rỗng không có, bởi vì thấy vật lay động mà vọng cho là có; kệ bốn là hợp với đất, bởi vì Pháp nhãn thấy lý vốn không phân biệt; kệ năm là tổng quát hiển bày khiến cho không còn ngôn từ.

Lại năm kệ trước là giải đáp phù hợp về thành tựu, bốn kệ tiếp là giải đáp nêu ra nguyên cớ, một kệ sau cuối là làm mất đi khiến cho không còn ngôn từ.

Một câu hỏi của Văn Thù bởi vì hàm chứa nhiều ý, Giác Thủ giải đáp từ trước đến sau với xu thế không giới hạn, thuận-nghịch suy xét đến cùng để hiển bày tất sâu xa, mong những người học không chê văn từ rườm rà!

**Đoạn 2: Giáo hóa thậm thâm.**

Thứ nhất, trong phần hỏi, có hai:

Một: Nêu ra nói cho biết, nói cho Tài Thủ biết, là bởi vì vị ấy đạt được pháp này là môn Tài thí làm lợi ích cho chúng sinh.

Hai: Trong phần chính thức hỏi, có hai: 1- Thiết lập Tông chỉ, chúng sinh tức là không phải chúng sinh, đôi bên cùng thừa nhận, cũng có thể tiếp theo tám Thức đều Không của Giác Thủ trước đây; 2- Từ “Vân hà...” trở xuống là thiết lập chất vấn, nghĩa là chúng sinh đã Không thì Phật vì sao lại giáo hóa? Nếu Phật không thấy Sinh Không thì không có Đại Trí, liền trở thành phỉ báng Phật; nếu thấy Không mà giáo hóa thì lẽ nào không trái với Không? Không-Hữu trái ngược nhau thì tiến

lùi dựa vào đâu? Trong đó: Trước là trình bày về mười Tùy, phân rõ về chúng sinh đã giáo hóa sai biệt; sau là trình bày về ba Luân để hiển bày về chủ động giáo hóa không giống nhau.

Nay trong phần trước là trình bày về mười Tùy: Một là tùy theo thời gian căn cơ mới phát sinh (Sinh) đã thuần thực (Thực), trong thời gian như vậy có thể giáo hóa như vậy. Lại câu này là tổng quát, nghĩa là tùy theo thời gian thọ mạng nào...? Chín câu sau là riêng biệt, đều có hai nghĩa, đó là tùy theo thọ mạng ngắn-dài ấy mà giáo hóa. Lại dùng thân không thọ mạng là pháp mà giáo hóa có hai nghĩa, đó là tùy theo thân đã thọ nhận thuộc chủng loại như thế nào mà tiếp nhận giáo hóa. Lại người nên dùng pháp quán về thân Không Tịch... mà được hóa độ, thì dùng pháp ấy để giáo hóa; nghĩa còn lại dựa theo đây có thể biết. Vì vậy trong phần giải đáp sau phần nhiều nói đến ý sau. Hành là ba nghiệp thiện ác, Giải là hiểu biết sai biệt, ngôn luận là dạy dỗ về phong tục của quốc gia. Sáu câu này phần nhiều dựa theo trước lúc chưa phát tâm, bốn câu sau phần nhiều dựa theo lúc đã phát tâm. Tâm vui thích, là có những mong cầu. Phương tiện, là thuận theo mà tiến lên. Tư duy, là dựa vào pháp cầu tìm nghĩa lý. Quán sát, là như giáo thuyết mà tu học.

Phần sau từ “Ư như thị...” trở xuống là hiển bày về chủ động giáo hóa sai biệt: a- Nhắc lại mười Tùy; b- Hiện rõ ba nghiệp, giáo hóa điều phục bao gồm ngữ và ý, là dùng mười Tùy để giáo hóa cho nên chúng sinh không phải là Không, hay là bởi vì chúng sinh vốn Không cho nên mười Tùy thì thiết không thật chẳng?

Thứ hai, trong phần Tài Thủ giải đáp, dựa theo các kinh Đại thừa (Thâm kinh) và văn kệ này, sơ lược có bốn ý:

Một: Phật thấy rõ chúng sinh xưa nay tự nhiên Không, chứ không phải là Không của chấp Đoạn, cho nên không ngăn ngại tùy thuận giáo hóa, kệ nói: Các pháp Không và Vô ngã, các báo tùy nghiệp sinh ra.

Hai: Phật nhận biết chúng sinh không thể nào tự mình nhận biết Chân Không, cho nên khởi tâm Bi mà tùy thuận giáo hóa, kệ nói: Tùy hiểu biết chấp các tướng, điên đảo không đúng như thật.

Ba: Tùy thuận giáo hóa tức Không, bởi vì không khác với chúng sinh Không, cho nên hai loại không trái ngược nhau, kệ nói: Đây là niềm vui tịch diệt, cảnh giới của bậc Đa văn.

Bốn: Dung thông các nghĩa trên, bởi vì thu nhận Không làm chúng sinh, cho nên sinh cùng với không phải sinh chỉ một vị như nhau.

Kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: “Chính là Pháp thân này lưu chuyển

trong năm đường, gọi là chúng sinh.” Pháp thân tức là chúng sinh, chúng sinh tức là Pháp thân, Pháp thân và chúng sinh thì nghĩa là một mà tên gọi khác nhau. Bởi vì nghĩa này, cho nên Phật thấy rõ toàn Thể của chúng sinh tự nhiên đầy đủ, vốn là Pháp thân không cần phải tiếp tục giáo hóa. Đại Trí hiện rõ trước mắt nhìn thấy Pháp thân tùy duyên tức là chúng sinh, cho nên khởi tâm Đại Bi thâm nhiếp giáo hóa.

Nay bởi vì Tịch diệt không phải là không có chúng sinh, luôn luôn không khác với Chân mà thành lập, là Chân tế bất động, không có giáo hóa mà giáo hóa; bởi vì Tùy duyên không phải là có Pháp thân, luôn luôn không khác với Sự mà hiển hiện, không làm hỏng giả danh, giáo hóa tức là không có giáo hóa. Thụ động giáo hóa thì Không-Hữu đã không hai, chủ động giáo hóa thì Bi-Trí cũng không khác, không ngăn ngại Hữu mà quán sát về Không thì mới có thể tiến vào lý, Chân không lay động mà tùy thuận giáo hóa thì mới có thể giáo hóa người khác đến cuối cùng. Chúng sinh không nhận biết về Lý này, cho nên lưu chuyển không cùng. Nay khiến cho chúng sinh tỏ ngộ đúng như pháp này, vậy thì chân thật tùy thuận giáo hóa, không phải là dứt khoát mười Tùy không trái với Lý thuộc Không, cũng nhờ vào mười Tùy này mới phù hợp với Chân Không. Vì vậy, kinh Tịnh Danh nói: “Nên vì chúng sinh mà thuyết giảng đúng như pháp này, thì chính là tâm Từ chân thật.”

Mười kệ phân hai: Một kệ đầu nêu ra pháp khuyến khích lắng nghe, nửa kệ trước là dùng người để hiển bày về pháp, đã hàm chứa về ý giải đáp, câu đầu là Thể sâu xa, câu sau là Dụng rộng lớn, tức là nghe trong vắng lặng thì nghe mà không có gì nghe, cho nên không có chúng sinh. Đại Kinh cũng nói: “Nếu nhận biết Như Lai thường không thuyết pháp, thì gọi là đa văn đầy đủ.” Tức là đa văn vắng lặng thì khéo léo hiểu rõ về vị thuốc và căn bệnh, không ngăn ngại tùy thuận giáo hóa. Hai câu sau là nhận lời thuyết giảng khuyến khích lắng nghe.

Chín kệ sau là riêng biệt giải đáp câu hỏi trước đây, văn diễn đạt hàm chứa nhiều loại, sơ lược đưa ra hai cách giải thích: 1- Từng kệ một riêng biệt giải đáp, nghĩa là: Một: Có ba kệ giải đáp về tùy theo Thân; Hai: Một kệ giải đáp về tùy theo Mạng; Ba: Một kệ giải đáp về tùy theo Quán sát; Bốn: Một kệ giải đáp về tùy theo Hành và Phương tiện; Năm: Một kệ giải đáp về tùy theo Tâm vui thích và hiểu biết; Sáu: Một kệ giải đáp về tùy theo Ngôn luận; bảy: Một kệ giải đáp về tùy theo Tư duy, thì bao gồm chín kệ này. 2- Dựa vào năm Tùy trước để giải đáp về bốn Tùy sau, cũng là bao gồm chín kệ.

Nay dựa vào văn giảm bớt này, văn phân làm sáu: Một: Ba kệ

đầu nói về giáo, dựa vào thời gian tùy theo Thân nào, tùy theo tâm vui thích ấy, tu phương tiện ấy, tư duy quán sát. Bốn loại này có khắp ở năm đoạn. Hai: Có một kệ dựa vào thời gian của Mạng. Ba: Có hai kệ, dựa vào thời gian của Hành. Bốn: Có một kệ dựa vào thời gian của Giải. Năm: Có một kệ, dựa vào thời gian của Ngôn luận. Sáu: Có một kệ nói về giáo pháp lìa xa hai Thủ, tổng quát kết luận về văn trên.

Một: Ba kệ đầu. Nếu lúc đấm theo Ngã thì đưa ra quán phân biệt về Giới, quán phân biệt về Thân đều là Vô ngã; nếu lúc ái nhiễm đối với Thân thì đưa ra quán Niệm xứ, quán sát đối với nội thân và tâm pháp. Tổng quát mà nói tức là quán sát về hai Không, đầu là một kệ quán sát về Ngã Không, tiếp là một kệ quán sát về Pháp Không, sau là một kệ tương tự nối thông với tất cả.

Nay là kệ đầu: Nửa kệ trước tức là quán sát về Tâm-Tư, quán sát đối với bốn Đại-năm Uẩn thuộc nội thân, hoặc chính nó-hoặc tách rời, tìm kiếm chủ thể vốn không thể có được. Nửa kệ sau là lợi ích của quán, như thật nhận biết đối với Giả thì Ngã là có, đối với Thật thì Ngã không có.

Kệ tiếp là quán sát về Thật tướng của thân, là quán sát về pháp Vô ngã: Nửa kệ trước là hiểu tường tận về Thân Không, nghĩa là thu nhận duyên mà giả lập, đến không có nơi bắt đầu, vốn không có trú xứ, duyên hết thì lụi tàn, đi không có nơi cuối cùng, không có nơi dừng lại, hư giả tựa như tồn tại mà thật sự không có gì chắc chắn. Nửa kệ sau là lợi ích của quán.

Kệ sau là tương tự nối thông, dùng thân để quán sát về thân, đã nhìn thấy rõ ràng hai Ngã của tự thân đều Không, thì biết vạn pháp đều là hư vọng, pháp quán sát này cũng vắng lặng cho nên không khởi tâm.

Nếu dùng Niệm xứ để giải thích, thì nội thân lựa chọn đối với khí giới bên ngoài và thân khác. Niệm xứ có hai: 1- Tổng quát; 2- Riêng biệt. Tổng quát thì thân... đều Vô ngã... Riêng biệt thì quán pháp Vô ngã. Nay là tổng quát. Lại có hai loại: 1- Tiểu; 2- Đại. Trong này là Đại, quán sát về tánh-tướng của thân vốn giống như hư không, trống rỗng không có hai Ngã, cái gì nói là Ngã đã gồm đủ hai Ngã. Kệ tiếp, quán sát về Thọ không ở trong-ngoài-phần giữa, cho nên không có nơi chốn. Kệ sau, quán sát về Tâm và Pháp, bởi vì không có được pháp thiện-pháp bất thiện, cho nên nói là biết pháp hư vọng, tâm như huyễn ảo, không khởi lên phân biệt. Lại riêng biệt thì Thân-Thọ không giống nhau, tổng quát thì Thọ... đều là Thân, vì thế cho nên ba kệ đều dùng



chữ Thân. Ý câu hỏi trước nói rằng: Chúng sinh đã Không, vì sao Như Lai tùy theo thân ấy mà giáo hóa? Nay ý giải thích nói rằng: Bởi vì chúng sinh không nhận biết về thân vốn là Không Tịch, dạy cho pháp quán sát như vậy, cho nên nói Như Lai tùy theo thân của chúng sinh mà giáo hóa. Phần sau đều dựa theo đây.

Hai: Có một kệ, khiến cho tư duy quán sát đối với thọ mạng. Mạng gọi là mạng căn, có thể khiến cho Sắc-Tâm nối liền nhau mà duy trì, cho nên gọi là Mạng; Thọ nghĩa là hạn lượng của tuổi thọ, tức là Thể của Mạng căn. Thật sự nghĩa là do lực thuộc chủng tử của nghiệp, dẫn dắt Thể thuộc Chúng đồng phần của báo trong một kỳ hạn, phạm vi giới hạn của thời gian tồn tại, giả lập là Thọ Mạng. Thuận theo duyên khởi của nghiệp, khởi lên mà không có khởi lên, nghiệp hết thì diệt mất, diệt mất mà không có gì diệt mất. Vốn không có chủ thể, hưởng hồ sát-na sinh diệt thật sự không có tự tánh? Dụ cho ngọn lửa quay tròn, nghĩa là vòng lửa xoay chuyển nhanh chóng không nhìn thấy trước-sau, sinh diệt lưu chuyển nhanh chóng lẽ nào biết được giới hạn ban đầu? Lại củi và lửa không nối tiếp, Thức chập chạp nói là vòng tròn, Mạng thật ra chuyển biến trôi qua mà vọng cho là nối tiếp nhau. Lại vòng tròn giúp cho lửa có tồn tại, Mạng nhờ vào tâm mà hiểu rõ, phải nhờ nơi khác mà thành vốn không có tự Thể.

Ba: Có hai kệ, khiến cho dựa vào thời gian của Hành, tư duy quán sát, thành tựu bốn loại quán: 1- Quán về Vô thường; 2- Quán về Không; 3- Quán về Vô ngã; 4- Quán về Vô tướng. Trong đó:

Kệ đầu sơ lược nêu ra bốn loại ấy, tất cả các Hữu là ba Hữu (ba cõi), cũng là tất cả pháp hữu vi. Nhưng Vô thường... thì kinh-luận giải thích khác nhau. Nay tạm thời dựa vào luận Biện Trung Biên, dùng ba tánh để giải thích: Một: Vô thường thuộc về ba tánh: 1- Dựa theo Biến kế gọi là Vô thường thuộc về Vô tánh, bởi vì tánh thường không có; 2- Dựa theo Y tha khởi gọi là Vô thường thuộc về sinh-diệt, bởi vì có khởi lên và mất đi; 3- Dựa theo Viên thành thật gọi là Vô thường thuộc về cấu-tịnh, bởi vì phân vị chuyển biến. Hai: Không cũng có ba: 1- Không thuộc về Vô tánh, bởi vì tánh vốn không phải là có; 2- Không thuộc về Dị tánh, bởi vì khác với tự tánh hư vọng đã chấp lấy; 3- Không thuộc về Tự tánh, bởi vì tự tánh là hai Không đã hiển bày. Ba: Vô ngã cũng có ba: 1- Vô ngã thuộc về Vô tướng, bởi vì tướng Ngã vốn không có; 2- Vô ngã thuộc về Dị tướng, bởi vì khác với tướng Ngã hư vọng đã chấp lấy; 3- Vô ngã thuộc về Tự tướng, bởi vì tự tướng là Vô ngã đã hiển bày. Bốn: Vô tướng cũng có ba: 1- Bởi vì Tướng cũng không có; 2-

Bởi vì Tướng không có thật; 3- Bởi vì không có tướng hư vọng. Nhưng đều thâm nhiếp dung thông là ý của Tông này, mà ý chính của kệ phần nhiều dựa theo hai tánh trước để phân rõ.

Kệ sau sơ lược hiển bày về hai quán, nửa kệ trước trình bày về quán Không, báo từ nghiệp mà sinh ra, như giấc mộng từ suy nghĩ mà khởi lên, không thật mà vốn là Không. Nửa kệ sau trình bày về quán Vô thường, bởi vì không thật trước đây vốn là niệm niệm Vô thường, trước tức là quá khứ đã diệt, sự việc hiển bày ví dụ cho sau, hiện tại-vị lai sẽ diệt không khác.

Bốn: Có một kệ, dựa vào hiểu biết khiến cho tiến vào Duy Thức, tùy theo cảnh quán sát tức là tâm biến đổi, cho nên tâm làm chủ. Nhưng Duy Thức này tóm lược có hai phần: 1- Tướng; 2- Kiến. Nay tùy theo hiểu biết về phần Kiến ấy, giữ lấy tướng của phần Tướng ấy, giữ lấy ngoài tâm cho nên trở thành điên đảo.

Năm: Có một kệ, dựa vào thời gian Ngôn luận, khiến cho Tâm-Tứ về Danh... tiến vào quán sát đúng như thật, nghĩa là hiểu rõ về Danh... chỉ là sự phân biệt về ý-ngôn, chứ không có Danh... riêng biệt. Ý tức là ý thức phân biệt, Ngôn tức là danh ngôn. Danh ngôn đã chỉ là sự phân biệt của ý, thì nghĩa ở sau Danh cũng không có Thể riêng biệt, cho nên ở Ngôn luận đã gồm đủ Danh nghĩa. Đã tùy theo phân biệt thì vọng chấp theo ý mà lưu chuyển, hãy còn chưa hiểu rõ về Duy Tâm, thì lẽ nào tiến vào pháp tánh? Nếu có thể như vậy thì tự mình giác ngộ thông suốt, là phương tiện để tiến vào Duy Thức. Vẫn trở lại tâm này không có tướng có thể đạt được, vọng tưởng không sinh khởi thì tiến vào pháp tánh.

Trên đây dựa theo tâm trái với Thể, không phải là không ngay trong nhau. Lại không hòa vào, là bởi vì Thể của vọng tưởng hư giả cho nên không thể hòa vào.

Sáu: Có một kệ tổng quát kết luận, cũng là kết luận gần về hai kệ trước theo thứ tự, chủ động duyên-thụ động duyên, tức là Tướng phần-Kiến phần. Lại quán sát tất cả các pháp chỉ là ý-ngôn chưa có thể loại trừ, cảnh này cũng là chủ động-thụ động. Lấy đây làm phương tiện có thể tiến vào Duy Tâm. Các loại pháp sinh ra, là Tướng phần-Kiến phần này, do nhiều tập khí từ vô thủy mà có các loại pháp tương tự sinh ra, nghĩa là tâm chủ động duyên phát sinh thì các loại cảnh phát sinh, cảnh thụ động duyên phát khởi thì các loại tâm phát khởi, pháp khởi lên chắc chắn diệt đi, đâu có thể tạm dừng? Nếu hiểu rõ tướng là Vô tướng, sinh mà không có sinh, thì gọi là hiểu rõ về các loại, hiểu rõ về Duy

Tâm. Nếu hiểu rõ về Vô tánh, tâm-cảnh đều không còn, thì trú trong cảnh thuộc Trí của tự giác không có phân biệt, pháp giới bất động gọi là tiến vào pháp tánh. Vì vậy, kệ cuối cùng kết luận về các pháp quán trước đây, khiến cho không còn tướng của quán. Phật giáo hóa như vậy thuận theo nhận biết như vậy, người huyễn-giáo hóa huyễn đều không có giáo hóa mà giáo hóa.

**Đoạn 3: Nghiệp quả thậm thâm.**

Thứ nhất, trong phần hỏi cũng có hai:

Một: Nêu ra người chủ động-thụ động hỏi, bởi vì trong Sự hiển bày về Lý là đáng quý, cho nên hỏi Bảo Thủ.

Hai: Từ “Phật tử nhất thiết...” trở xuống là trong phần chính thức hiển bày đầu mối của câu hỏi, có ba: 1- Nêu ra pháp dựa vào để xác định, nghĩa là thân của các chúng sinh chỉ là bốn Đại, giả danh bốn Đại không có chủ, thân cũng không có Ngã, thì lẽ nào có Ngã sở? Đôi bên cùng thừa nhận lấy làm pháp dựa vào để xác định. 2- Từ “Vân hà...” trở xuống là chính thức thiết lập nghi ngờ chất vấn, chủ động tạo tác-chủ động thọ nhận thì gọi là Ngã, thụ động tạo tác-thụ động thọ nhận tức là Ngã sở. Bởi vì Vô ngã cho nên không có chủ động tạo tác-thọ nhận, thì cái gì khiến cho khổ-vui? Không có Ngã sở cho nên không có thụ động tạo tác-thọ nhận, vì sao hiện thấy có mười sự-năm cặp như khổ...? Một: Khổ-vui, dựa theo tướng thô mà nói, ba nẻo ác là khổ, trời-người là vui. Hai: Ngay trong khổ đều có đẹp-xấu. Ba: Ở trong vui thì có thân bên trong-cảnh bên ngoài. Bốn: Bao gồm ở trong thọ nhận khổ-vui, hoặc là thời gian-hoặc là sự việc đều có nhiều ít. Trên đây đều dựa theo Sinh báo, vốn là tạo tác từ đời trước. Năm: Hiện tại tạo tác-hiện tại thọ nhận gọi là Hiện báo, cách một đời trở đi mà thọ nhận gọi là Hậu báo. 3- Từ “Nhiên pháp giới...” trở xuống là kết luận về chất vấn, nghĩa là Lý của hai Vô ngã tức là Chân pháp giới, trong Chân pháp giới chắc chắn không có thiện ác, chưa biết khổ-vui từ đâu mà sinh ra? Đây là hỏi về nguyên cớ. Bởi vì Vô ngã cho nên không có Ngã sở, hay là có thụ động thọ nhận cho nên cũng có Ngã chẳng? Đây là bày tỏ nghi ngờ. Bởi vì Thánh Ngôn Lượng và Chánh Lý Lượng trái với Hiện Lượng, làm thế nào có thể thông suốt mà kết luận về thành tựu chất vấn?

Thứ hai, trong phần giải đáp, ý nói rằng: Thông hiểu về Thể thì nghiệp không còn, mê mờ về Chân thì nghiệp khởi lên, Báo dựa vào nghiệp mà khởi lên nào cần đến Ngã? Nghiệp báo thu nhận duyên hư giả không có tự Thể, cho nên không có Ngã sở. Bởi vì pháp Vô ngã chứ không phải đoạn diệt, cho nên nghiệp quả không mất, đây chính là

Chánh lý. Thánh giáo đã trình bày không trái với sự việc hiện tại, nếu pháp chắc chắn có thì không thể tạo tác-thọ nhận, sẽ trái với Chánh lý.

Vấn kệ phân hai: Một kệ đầu là Pháp thuyết, chín kệ còn lại là Dụ so sánh.

Một kệ đầu: Nửa kệ trước dựa theo duyên sinh thuộc Tục đế, tức là nghiệp báo hệ thuộc với nhau, giải đáp về hiện thấy trước đây. Câu tiếp nói về Thắng nghĩa, Tức Không phù hợp với pháp dựa vào để xác định, hai loại này không hai cho nên không trái ngược nhau. Không hề có gì là nói bao gồm nghiệp quả trước đây, là cũng không có Ngã sở. Câu sau cuối là Thánh Giáo Lượng, Trí Luận quyển thứ 2 nói: “Có nghiệp thì cũng có quả, không có nghiệp quả tạo tác, điều này thậm thâm bậc nhất, là chư Phật đã thuyết giảng.”

Chín kệ còn lại là Dụ hiển bày. Tổng quát về tướng mà trình bày, dụ cho nghiệp quả thuận theo duyên Vô tánh, không làm hỏng tướng của Sự. Riêng biệt làm sáng tỏ về ý Dụ, thì các Dụ đều không giống nhau: Một- Có ba kệ dụ về nghiệp báo Vô tánh không làm hỏng tướng hư giả; Hai- Có một kệ dụ về không có tạo tác-thọ nhận; Ba- Có một kệ dụ về tánh như nhau mà tướng khác nhau; Bốn- Có bốn kệ dụ về Thể không có nơi đến.

Một: Ba kệ đầu: Kệ đầu cùng dụ cho nghiệp quả đều do Chân tâm hiện rõ, tuy không có Thật Thể mà tướng không giống nhau; kệ tiếp dụ cho tướng hư giả của nhân duyên chủ động sinh ra; kệ sau dụ cho nghiệp quả thụ động sinh ra không có thật.

Nay là kệ đầu: Nếu như Pháp Tướng Tông thì chỉ lấy Bốn thức làm gương, nay dựa vào Pháp Tánh Tông cũng dùng Như Lai Tạng Tánh mà làm gương sáng. Nhưng có hai nghĩa: 1- Tùy theo sắc chất của cảnh giới mà hiện rõ hình ảnh của nghiệp duyên, kết hợp nói rằng: Tánh của nghiệp cũng như vậy. 2- Tùy theo sắc chất của nghiệp duyên mà hiện rõ ảnh tượng của quả, kệ trước đây nói: Tùy theo nghiệp đã làm mà sinh ra quả báo như vậy. Hai văn phỏng theo tóm lược, cùng hiển bày về nghiệp quả tựa như có mà không có Thể, kết hợp nói rằng: Nghiệp, gọi là thiện-ác...; ba tánh, là bao gồm tánh và tướng, nghĩa là Thể của nghiệp này lấy pháp Vô tánh để làm tánh, không mất đi tướng của nghiệp quả để làm tánh, bởi vì Vô tánh cho nên có thể thành tựu nghiệp quả, bởi vì không làm hỏng tướng mới hiển bày Chân Không. Vì vậy, Trung Luận nói: “Tuy Không mà cũng không Đoạn, tuy Hữu mà cũng không Thường, nghiệp quả cũng không mất đi, đó gọi là Phật đã

thuyết.” Không mất đi nghiệp quả, mới hiển bày Trung Đạo.

Lại như gương hiện rõ cảnh tượng ướp tạc, không những gương không nhiễm ô, mà thanh tịnh cũng chính từ đó hiển bày. Gương dụ cho Như Lai Tạng thanh tịnh, hiện rõ nghiệp quả sinh tử cũng như vậy, không những không tổn hại Chân tánh bình đẳng, mà cũng chính từ đó nhận biết tự tánh của Như Lai Tạng luôn luôn thanh tịnh. Ở đây có bốn phần vị: 1- Phần vị chủ động hiện bày, lại có hai nghĩa: a- Bởi vì Chân thanh tịnh cho nên hiện rõ cấu nhiễm; b- Bởi vì Chân thanh tịnh cho nên không bị cấu nhiễm. 2- Phần vị thụ động hiện bày, cũng có hai nghĩa: a- Bởi vì tướng hư rỗng cho nên không thể nào cấu nhiễm; b- Bởi vì tướng hư rỗng cho nên tướng hư rỗng hiện bày. 3- Phần vị đối lập với nhau, cũng có hai nghĩa: a- Bởi vì cấu nhiễm hiện bày rõ ràng, cho nên tánh thanh tịnh mới hiển bày; b- Bởi vì tánh vốn có luôn luôn thanh tịnh, khiến cho cấu nhiễm hư vọng hiện rõ. 4- Chân thanh tịnh và Hư cấu nhiễm dung hòa cùng một ý vị viên dung vô ngại. Suy nghĩ điều này! Đây là dựa theo môn Nhiễm Tịnh, bởi vì chỉ có thụ động hiện bày tức là nhiễm.

Lại dựa theo trong Dụ, dùng môn Nhất-Dị để giải thích, nghĩa là: 1- Gương là xác định thuộc về môn giống nhau (Nhất). 2- Đẹp xấu nhiễm tịnh đã hiện bày đều khác nhau, là xác định thuộc về môn khác nhau (Dị). Nhiễm tịnh tuy hư rỗng mà không thể nào thâm nhiếp với nhau, cho nên là khác nhau; gương hiện rõ nơi chốn cấu nhiễm không khác với hiện rõ thanh tịnh, cho nên là giống nhau. 3- Cảnh tượng không khác với gương, là nghĩa về không phải khác nhau, bởi vì ngoài gương không có cảnh tượng; gương không khác với cảnh tượng, là nghĩa về không phải giống nhau, bởi vì lúc cảnh tượng đang hiện rõ mà không còn cảnh tượng thì gương cũng mất đi. Hai nghĩa trên đây tức là môn không phải giống nhau-không phải khác nhau (Phi nhất-phi dị). 4- Cảnh tượng tuy chính là gương mà không làm hỏng cảnh tượng, gương tuy chính là cảnh tượng mà không trở ngại cho gương, là môn cũng giống nhau-cũng khác nhau (Diệc nhất-diệc dị).

Kệ tiếp Dụ về gieo giống xuống ruộng mọc mầm, dụ cho chủ động sinh ra, ruộng dụ cho nghiệp duyên, hạt giống dụ cho nhân của chủng tử trong Thức. Hai loại này đối đãi với nhau, bởi vì Vô tánh cho nên không nhận biết nhau, bởi vì không nhận biết nhau thì mới có thể sinh ra mầm khổ của quả báo ở vị lai (Hậu hữu), vì vậy nói là: Tự nhiên có thể sinh ra. Cũng là Bốn thức làm ruộng, danh ngôn làm hạt giống.

Kệ sau Dụ về nhà ảo thuật hiện bày huyền ảo, dụ cho thụ động

sinh ra, nếu Sắc huyễn ảo dụ cho Báo, thì nhà ảo thuật dụ cho nghiệp; nếu Sắc huyễn ảo dụ cho nghiệp, thì nhà ảo thuật dụ cho nhân của nghiệp, bởi vì nghiệp cũng là duyên sinh giống như Báo không có Thể, mà tướng huyễn không mất đi. Vì vậy, trong Trung Luận nói: “Dùng huyễn hóa trở lại hiện bày huyễn hóa là dụ cho nghiệp quả đều Không, nếu huyễn ảo chỉ dụ cho Báo thì nghiệp là Bất Không, ngã tư đường dùng để dụ cho bốn Thức trú, vốn là nơi tạo nghiệp.”

Hai: Có một kệ Dụ về máy móc phát ra âm thanh, dụ cho không có tạo tác-thọ nhận, máy móc là duyên tạo ra, Thể trống rỗng-không có người, bởi vì dụ cho nghiệp thuận theo duyên. Không có tạo tác, là từ máy móc phát ra âm thanh, lại càng không phải là thật, dụ cho Báo dựa vào nghiệp mà khởi lên, lẽ nào có người thọ nhận? Nói đến Vô ngã, là bởi vì đối với Ngã không có, đã không có Ngã thì có gì là Vô ngã (Phi ngã)? Đắm theo Vô ngã cũng vốn là điên đảo.

Ba: Có một kệ Dụ về ra khỏi vỏ trứng âm thanh khác nhau, dụ cho tánh giống nhau mà tướng khác nhau, như chim ở trong vỏ trứng hàm chứa âm thanh, chưa nở ra dụ cho nghiệp cùng chung một tánh, ra khỏi vỏ trứng thì âm thanh khác nhau, giống như cảm báo không có sai khác. Nhưng trong con gà hoàn toàn không có tiếng kêu của chim Phụng, nghiệp tuy Vô tánh mà thiện-ác ngấm ngấm huân tập.

Bốn: Có bốn kệ Dụ về Thể không có nơi đến, bởi vì đều từ duyên mà đến tức là không có đến, nhưng cũng không giống nhau. Kệ đầu Dụ cho nhân hàm chứa quả cho nên không có nơi đến. Kệ tiếp là quả đáp lại nhân, cho nên không có nơi đến. Hai dụ này là nghiệp quả dị thực bên trong. Kệ tiếp Dụ về bảy báu của Chuyển Luân Vương, dụ cho nghiệp quả tăng thượng bên ngoài. Kệ sau Dụ cho nghiệp quả vô lậu, lửa của Trí vô lậu đốt cháy sạch sẽ hữu lậu, Trí nhờ vào lậu mà phát ra cho nên cũng không có đến, nghiệp quả vắng lặng còn dựa vào huyễn trú.

***Đoạn 4: Thuyết pháp thậm thâm, cũng có thể gọi là Ứng hiện thậm thâm.***

Trong phần hỏi và giải đáp bao gồm ba nghiệp, bởi vì thuyết pháp giáo hóa thù thắng, cho nên từ đây mà thiết lập tên gọi.

Thứ nhất, trong phần hỏi:

Một: Tổng quát nêu ra nói cho biết câu hỏi, Đức Thủ là hiển bày về đức của Phật.

Hai: Trong phần chính thức hiển bày sự việc thưa hỏi, có ba: 1- Nêu ra pháp dựa vào để xác định, nghĩa là Phật chứng đắc pháp giới

cùng một ý vị, đôi bên cùng thừa nhận. 2- Từ “Vân hà...” trở xuống là chính thức thiết lập nghi ngờ chất vấn, nói chứng ngộ đã một mà thuyết giảng hiện tại lại nhiều, là một hay là nhiều? Chỉ chọn lấy trở ngại lẫn nhau, đều thiết lập trái ngược với nhau. Dựa vào Pháp thì Thể-Dụng trái ngược nhau, dựa theo Phật thì Chứng-Giáo trái ngược nhau, sau phân rõ về mười loại trái ngược nhau, chín loại trước là riêng biệt, một loại sau là tổng quát kết luận. 3- Từ “Nhi pháp tánh...” trở xuống là giải thích thành tựu về chất vấn trước đây, nghĩa là không những Phật chứng ngộ đối với một, mà tôi quán sát pháp giới cũng không có nhiều, chủ động chứng ngộ-thụ động chứng ngộ đã hoàn toàn không khác nhau, vì nhân duyên gì mà hiện có nhiều loại? Mong rằng không có pháp giới trái với Như Lai vậy! (Năng là chủ động-chủ thể-có thể, Sở là thụ động-khách thể-đã).

Thứ hai, trong phần giải đáp có hai ý: Một: Đã Chứng tuy một mà tùy theo căn cơ hiện rõ nhiều loại, nhiều là do tình thức của chúng sinh, Phật thì luôn luôn Vô niệm. Hai: Đã Ngộ một pháp tức là pháp giới vô ngại, là Lý ngay nơi Sự, toàn bộ ở trong nhiều; pháp đã hiện rõ chính là Sự ngay nơi Lý, toàn bộ ở trong một. Bởi vì một ngay nơi nhiều là pháp đã Ngộ, nhiều ngay nơi một là pháp đã Thuyết. Đã không có chướng ngại thì có gì trái ngược nhau? Lẽ nào chỉ là không trái ngược, mà cũng do đạt được một thì mới có thể hiện bày nhiều, bởi vì hiện bày nhiều cho nên mới khiến cho tỏ ngộ một.

Mười kệ phân hai: Một kệ đầu khen ngợi về lợi ích thừa hỏi: Nửa kệ trước khen ngợi về sâu xa, chỉ nói một Lý sâu xa (thâm) mà không phải là rất (thậm), nay ngay nơi nhiều là một cho nên nói là rất sâu xa, nhiều ngay nơi một lại càng khó hiểu rõ, vì vậy không thể nào chỉ dùng một-nhiều để nhận biết. Nửa kệ sau là lợi ích của nhận biết, nhận biết về pháp rất sâu xa này mới nhận biết về pháp yêu thích.

Chín kệ sau là Dụ để giải đáp, đều có ba câu đầu là Dụ so sánh, câu sau cuối là Pháp kết hợp. Trong dụ đều có hai câu trước là Dụng ngay nơi Thể, hai câu ba-hai là Tịch ngay nơi Dụng. Lại hai câu đầu là lấy một làm thành nhiều, câu tiếp là không ngăn ngại mà luôn luôn một cho nên không trái ngược nhau.

Nhưng chín Dụ này riêng biệt giải đáp về chín loại Vô lượng, tổng quát hiển bày về Vô lượng cảnh giới.

Kệ một Dụ về một mặt đất mà duy trì nhiều loại, giải đáp về hiện bày vô lượng quốc độ, bởi vì nương tựa an trú có hơn-kém mà mặt đất không có gì khác nhau.





Kệ hai Dụ về một ngọn lửa mà đốt cháy nhiều loại, giải đáp về giáo hóa vô lượng chúng, bởi vì vật thuận theo lửa đốt cháy mà không lựa chọn về củi.

Kệ ba Dụ về một mặt biển mà sóng cuộn khác nhau, giải đáp về thuyết giảng vô lượng pháp, bởi vì sóng lớn giữa biển nghĩa không có cùng tận.

Kệ bốn Dụ về một làn gió mà thổi đến khác nhau, giải đáp về chấn động vô lượng thế giới, bởi vì tùy theo vật nặng nhẹ mà sự lay động có khác nhau.

Kệ năm Dụ về mây cuộn-sấm rền rười mưa khắp nơi, giải đáp về vô lượng âm thanh, bởi vì Viên âm chấn động khắp nơi mà mưa pháp không có sai khác.

Kệ sáu Dụ về một mặt đất mà mầm non khác nhau, giải đáp về vô lượng trang nghiêm, bởi vì mầm non-thân cành-hoa trái làm cho trang nghiêm tốt đẹp.

Kệ bảy Dụ về mặt trời trên cao soi chiếu khắp nơi, giải đáp về nhận biết vô lượng tâm, bởi vì không có riêng tư mà soi chiếu khắp nơi cùng tận trắng đen.

Kệ tám Dụ về mặt trăng trong sáng khắp nơi nhìn thấy, giải đáp về hiện bày vô lượng thân thông, bởi vì không đi đến mà đến tùy theo vật dụng hiện bày.

Kệ chín Dụ về Phạm Vương ứng hiện khắp nơi, giải đáp về hiện bày vô lượng thân, bởi vì không phân ra mà hiện rõ khắp nơi pháp giới.

